

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH KIÊN GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 3 - 2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Trân

Bà Nguyễn Hồng Xứng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Bà Trần Thị Lành – Kiểm sát viên trung cấp Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Ngọc M**, sinh năm 1995; Địa chỉ: **1 A, phường A, quận H, thành phố Hồ Chí Minh.**

- Bị đơn: Ông **YANG SEONGJUN**, sinh năm 1982; Địa chỉ: **B Y 2gil, Geumseong-myeon, Geumsan-gun, C - do, Hàn Quốc.**

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà **Võ Ngọc M** trình bày:

Năm 2018 bà **Võ Ngọc M** quen biết ông **YANG SEONGJUN** qua mai mối, sau thời gian tìm hiểu cả hai có tình cảm nên quyết định tiến đến hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc vào ngày 31/7/2018, sau đó ghi chú kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện **U**, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi kết hôn ông **YANG SEONGJUN** về Hàn Quốc làm việc và làm thủ tục bỏ lãnh bà **M** sang Hàn Quốc đoàn tụ. Bà **M** ở lại Việt Nam học ngôn ngữ Hàn Quốc và chờ ngày ông **YANG SEONGJUN** bảo lãnh sang Hàn Quốc đoàn tụ. Ba tháng sau bà **M** qua Hàn Quốc sống cùng chồng, chung sống được ba tháng tháng

thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà M dọn ra ngoài sinh sống. Đến tháng 11/2021 bà M về Việt Nam, từ đó không quay lại Hàn Quốc nữa. Trong quá trình chung sống do khác khác biệt về phong tục tập quán, khác biệt về ngôn ngữ nên vợ chồng không hiểu nhau, mối quan hệ mẹ chồng nàng dâu không được tốt đẹp, mỗi khi có mâu thuẫn với mẹ chồng thì ông Y SEONGJUN luôn bên vực mẹ chồng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nhận thấy không còn tình cảm với ông YANG SEONGJUN, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông YANG SEONGJUN.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

**Bị đơn ông YANG SEONGJUN:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ cho ông YANG SEONGJUN về yêu cầu ly hôn của bà Võ Ngọc M, ấn định thời gian giải quyết vụ án để ông YANG SEONGJUN biết. Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông YANG SEONGJUN vắng mặt và Tòa án không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông .

**Tại phiên tòa,** đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Võ Ngọc M.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Võ Ngọc M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông YANG SEONGJUN vắng mặt tại phiên tòa theo thủ tục ủy thác tư pháp. Căn cứ theo quy định tại các điều Điều 227, 228, 238 và 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Võ Ngọc M:

Qua các tài liệu, chứng cứ thể hiện bà Võ Ngọc M và ông YANG SEONGJUN quen biết, tìm hiểu, thương nhau và tự nguyện kết hôn, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc và ghi chú kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Ngọc M và ông YANG SEONGJUN là hợp pháp.

Bà M xác định, sau khi kết hôn được ba tháng thì bà M và ông YANG SEONGJUN về Hàn Quốc chung sống được ba tháng, vợ chồng phát sinh mâu



thuần nên bà **M** dọn ra ngoài sống, đến tháng 11/2021 bà **M** về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Trong quá trình chung sống do khác khác biệt về phong tục tập quán, khác biệt về ngôn ngữ nên vợ chồng không hiểu nhau, mối quan hệ mẹ chồng nàng dâu không được tốt đẹp, mỗi khi có mâu thuẫn với mẹ chồng thì ông **Y** SEONGJUN luôn bên vực mẹ chồng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Do không còn tình cảm vợ chồng, không có khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ và nghiêm yết, đăng trên cổng thông tin điện tử của **Đ** tại Hàn Quốc thông báo cho ông YANG SEONGJUN biết về yêu cầu ly hôn của bà **M**, nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông YANG SEONGJUN vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà **Võ Ngọc M** và ông YANG SEONGJUN đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **M**, cho bà **M** được ly hôn với ông YANG SEONGJUN.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà **M** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà **M** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã tạm nộp.

[5] Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà **M** phải chịu chi phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng đã tạm nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 153, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Võ Ngọc M**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà **Võ Ngọc M** được ly hôn với ông YANG SEONGJUN.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà **Võ Ngọc M** xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Bà **Võ Ngọc M** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp, theo biên lai thu tiền số 0009732 ngày 11/5/2023 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà **Võ Ngọc M** phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0016439 ngày 22/5/2023 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà **Võ Ngọc M** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông YANG SEONGJUN có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Chơn**